

Số: /QĐ-UBND Bình Định, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu
tỷ lệ 1/2.000 12 phường nội thành, thành phố Quy Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/06/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch xây dựng ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đề án quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án quy hoạch chung xây dựng thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 12 phường nội thành thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 3131/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị thuộc đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 12 phường nội thành, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Văn bản số 8885/UBND-KT ngày 22/11/2023 của UBND tỉnh về việc nội dung liên quan đến quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 và phương án thiết kế công trình: Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 292/TTr-SXD ngày 14/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 12 phường nội thành, thành phố Quy Nhơn.

2. Phạm vi, ranh giới quy hoạch: Thuộc địa bàn 12 phường nội thành của thành phố Quy Nhơn, gồm các phường Trần Phú, Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Thị Nại, Ngô Mỹ, Đống Đa. Tổng quy mô diện tích điều chỉnh quy hoạch khoảng 54,4 ha.

3. Nhiệm vụ quy hoạch thiết kế điều chỉnh: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn. Cụ thể:

a) Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng các đất xây dựng cần điều chỉnh, bổ sung; đánh giá, dự báo dân cư, xã hội, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật; các quy định của quy hoạch chung có liên quan đến khu vực điều chỉnh quy hoạch.

b) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch.

c) Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Xác định các khu chức năng điều chỉnh trong khu vực quy hoạch; xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình đối với từng ô phố; khoảng lùi công trình đối với các trục đường; vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có).

d) Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật: Xác định các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật; hạ tầng xã hội theo quy mô điều chỉnh trên có sở đảm bảo theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD; xác định nguyên tắc, yêu cầu tổ chức

không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng khu chức năng, trục đường chính, không gian mở, điểm nhấn (nếu có).

đ) Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị: Đề xuất điều chỉnh quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị đã được phê duyệt (nếu có) và được bố trí đến mạng lưới đường khu vực, bao gồm các nội dung sau: xác định cốt xây dựng đối với từng khu đất; xác định mạng lưới giao thông, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; xác định và cụ thể hoá quy hoạch chung về vị trí, quy mô bãi đỗ xe (kể cả hầm giao thông, bãi đỗ xe ngầm); xác định nhu cầu và nguồn cấp nước, vị trí đầu nối, mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật; xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế và hệ thống chiếu sáng đô thị; xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc; xác định tổng lượng nước thải và rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải, chất thải.

e) Dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư: Luận cứ, xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư tại khu vực lập quy hoạch; đề xuất, kiến nghị các cơ chế huy động và tạo nguồn lực thực hiện. Nêu các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

g) Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường.

4. Thành phần hồ sơ đồ án: Thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

5. Chi phí thực hiện:

a) Dự toán chi phí lập quy hoạch: 159.575.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí thiết kế quy hoạch:	99.079.000 đồng.
- Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch:	24.509.000 đồng.
- Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch:	4.456.000 đồng.
- Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch:	11.079.000 đồng.
- Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch:	9.548.000 đồng.
- Chi phí lấy ý kiến cộng đồng:	5.000.000 đồng.
- Chi phí công bố quy hoạch:	5.000.000 đồng.
- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:	904.000 đồng.

b) Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước.

6. Tiến độ thực hiện: Thời gian lập đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu không quá 03 tháng kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

Điều 2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm tổ chức lập đề án quy hoạch, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư có liên quan, thực hiện đầy đủ các hồ sơ, thủ tục có liên quan theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K14.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng